

Số: 144 /GCN-BXD

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2021

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG
(BỔ SUNG)

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty TNHH Hoàng Nam Phú và Biên bản đánh giá bổ sung tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 26/6/2021.

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty TNHH Hoàng Nam Phú.

Mã số thuế: 4400885587

Địa chỉ: Đường Mậu Thân, Thôn Liên Trì 2, Xã Bình Kiến, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên.

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm vật liệu xây dựng.

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Đường Mậu Thân, Thôn Liên Trì 2, Xã Bình Kiến, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: LAS-XD1189

3. Giấy chứng nhận này bổ sung cho Giấy chứng nhận số: 229/GCN-BXD ngày 17 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng cho Công ty TNHH Hoàng Nam Phú và có hiệu lực đến hết ngày 17/5/2023./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Hoàng Nam Phú;
- Sở XD tỉnh Phú Yên;
- TT Thông tin (website);
- Lưu VT, Vụ KHCN&MT.

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG



Vũ Ngọc Anh

DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ BỔ SUNG CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 1189

(Kèm theo Giấy chứng nhận số: 144 /GCN-BXD, ngày 15 tháng 7 năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
THỬ NGHIỆM NHỰA, BÊ TÔNG NHỰA, NHỮ TƯƠNG, NHỰA ĐƯỜNG LỎNG		
1	Đất gia cố xi măng: Xác định cường độ kéo khi ép chẻ, modun đàn hồi, cường độ kháng nén, kháng uốn	TCVN 9403:12; TCVN 8862:11; ASTM D559, D560
2	Xác định độ nhớt động học	TCVN 7502:05; ASTM D 2170-01a
3	Xác định độ nhớt tuyệt đối	TCVN 8818-5:11; ASTM D 2170-01a
4	Xác định nhiệt độ bắt lửa, điểm chớp cháy và điểm cháy	TCVN 8818-2:11; ASTM D 92-02b; AASHTO T48
5	Hàm lượng nước	TCVN 8818-3:11; ASTM D95
6	Thử nghiệm chung cát	TCVN 8817-9:11; TCVN 8818-4:11; ASTM 6997; ASTM D402
7	Xác định độ nhớt Saybolt Furol	TCVN 8817-2:11; ASTM D244; AASHTO T59
8	Xác định độ lắng và độ ổn định lưu trữ	TCVN 8817-3:11; ASTM D6930; AASHTO T59
9	Xác định lượng hạt quá cỡ (Thử nghiệm sàng)	TCVN 8817-4:11; ASTM D6933; AASHTO T59
10	Xác định điện tích hạt	TCVN 8817-5:11; AASHTO T59
11	Xác định độ khử nhũ	TCVN 8817-6:11; ASTM D6939
12	Thử nghiệm trộn với xi măng	TCVN 8817-7:11
13	Xác định độ dính bám và tính chịu nước	TCVN 8817-8:11; ASTM D244
14	Thử nghiệm bay hơi	TCVN 8817-10:11; ASTM 6993
15	Nhận biết nhũ tương nhựa đường a xít phân tách nhanh	TCVN 8817-11:11
16	Nhận biết nhũ tương nhựa đường a xít phân tách chậm	TCVN 8817-12:11
17	Xác định khả năng trộn lẫn với nước	TCVN 8817-13:11
18	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 8817-14:11
19	Xác định độ bám dính với cốt liệu hiện trường	TCVN 8817-15:11
20	Thí nghiệm xác định độ sâu vết hằn bánh xe	AASHTO T324-04; BS 598:11; EN 12697-22; EN12697-33
THỬ NGHIỆM SƠN		
21	Xác định độ mịn	TCVN 2091:15
22	Xác định thời gian chảy, độ nhớt	TCVN 2092:13
23	Hàm lượng chất không bay hơi	TCVN 2093:93
24	Xác định độ phủ sơn	TCVN 2095:93
25	Xác định thời gian khô và độ khô	TCVN 2096:15
26	Xác định độ bám dính màng sơn	TCVN 2097:15; ASTM D4541
27	Xác định độ bền uốn của màng sơn	TCVN 2099:13
28	Xác định độ bền va đập	TCVN 2100:13
29	Xác định độ bóng	TCVN 2101:16
30	Xác định màu sắc	TCVN 2102:15; ASTM D6628

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
31	Xác định chiều dày màng sơn	TCVN 9760:13; ISO 2808:07
32	Xác định hệ số phát sáng	TCVN 9274:12
33	Xác định độ dính bám	AASTM D4541; BD 47/99
34	Phân loại hạt và xác định hàm lượng hạt thủy tinh	BS 6088:81
35	Xác định hàm lượng Titandioxyt, hàm lượng Cacbonat Canxi và chất độn trơ	ASTM D1394; AASHTO T250-97
36	Son tín hiệu giao thông hệ dung môi: Xác định khả năng lưu giữ hạt thủy tinh trên màng sơn, thời gian khô, độ chống loang màu, độ bền va đập, độ chịu dầu, độ chịu muối, độ chịu nước, độ chịu kiềm, độ mài mòn, độ phản quang	TCVN 8787:11
37	Son tường - Sơn nhũ tương: Xác định độ bền nước, bền nhiệt, độ bền rửa trôi, chu kỳ nóng lạnh, độ bền kiềm, hàm lượng chất khô bay hơi, độ thấm nước	TCVN 8652:12; TCVN 8653:12; TCVN 9405:12
38	Vật liệu dẻo kẻ đường nhiệt dẻo: Xác định độ bền nhiệt, khả năng chống nứt ở nhiệt độ thấp, độ mài mòn, độ kháng cháy, khối lượng riêng, độ chống trượt, độ phản quang, chiều dày màng sơn, nhiệt độ hóa mềm, độ bền va đập	AASHTO T250-05; TCVN 8791:11
THỬ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG		
39	Xác định độ bằng phẳng bằng theo chỉ số độ gồ ghề quốc tế IRI	TCVN 8865:11
40	Xác định lực và cường độ kéo nhỏ của bê tông cốt thép, thép bulong khoan cấy tại hiện trường	TCVN 9490:12; EN 12504-3:05; ASTM C900, E1512
41	Cống hộp bê tông cốt thép: Kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan, khả năng chống thấm nước, khả năng chịu tải	TCVN 9116:12; ASTM C497; JIS 5373
42	Ống công bê tông cốt thép thoát nước: Kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan, khả năng chống thấm nước, khả năng chịu tải	TCVN 9113:12; ASTM C497; JIS 5373

Ghi chú (*) - Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.